TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KINH MÔN** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 34/2018/QĐST- HNGĐ	*Kinh Môn, ngày 30 tháng 01 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 27/2018/TLST-HNGĐ ngày 16/01/2018 giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Lê Thị T, s**inh năm 1980

- **Bị đơn**: Anh **Nguyễn Văn C,** sinh năm 1966

Đều ĐKHK và trú tại: thôn H, xã H, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 01 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 01 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Văn C.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về nuôi dưỡng con chung*: Chị T, anh C có 02 con chung Nguyễn Lâm T, sinh ngày 26/02/2004 và cháu Nguyễn Thành N, sinh ngày 23/03/2007. Chị T, anh C thỏa thuận, khi ly hôn, giao cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cháu Nguyễn Lâm T; giao cho anh C trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thành N. Thời gian giao nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung kể từ tháng 01/2018 đến khi cả hai con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị T, anh C không ai phải cấp đưỡng nuôi con chung cho nhau.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Người trực tiếp nuôi con

cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- *Về tài sản chung, nợ chung, cho vay nợ chung*: Chị T, anh C tự thỏa thuận giải quyết với nhau. Chị T, anh C đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung, cho vay nợ chung.

- *Về án phí*: Chị T tự nguyện chịu cả 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án là 300.000 đồng, chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kinh Môn, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001442 ngày 11/01/2018. Hoàn trả cho chị T tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án còn lại là 150.000đồng .

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn;
- Chi cục THA Dân sư huyện Kinh Môn;
- Nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn (UBND xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang)
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Chu Văn Nghĩa